

ID VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/03/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	BK4+BK10+P2	7:25	6+16+0	0+0+0		5+10+7	0+0+0	Chuyến 1 pax từ BK10-P2
2	427	PVD2+MRM	7:25	16+6	0+0		13+9	0+0	
3	428	RP2+RP3+P2	7:25	18+2+2	0+0+0		15+4+3	0+0+0	Chuyến 1 pax từ RP3-P2
4	426	TD2	7:25	22	0		22	0	
5	420	P6+P9+RP2	7:25	6+13+2	0+0+0		1+6+15	0+0+0	
6	846	P10	9:25	22	0		22	0	
7	427	PVD2	9:25	18	0		22	0	
8	428	P9+P10	9:25	15+5	0+0		17+5	0+0	
9	426	P2+BK6	9:25	21+0	0+0		17+5	0+0	Chuyến 1 pax P2-BK6
10	420	P4+P11+TTG3	9:25	6+11+2	0+0+0		2+18+2	0+0+0	
11	846	TD2+BK3+P11	11:25	5+13+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	Chuyến 1 pax từ TD2-BK3
12	427	P2+BK10	11:25	15+0	0+0		19+3	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
BK10 đi về trong ngày 3 ng.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Mar-18	TO: BK4 - BK10 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thanh - Vận - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	BK4				10	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐANG ĐỨC	BK4				35	65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ BÀ TUAN	BK4	01	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	BK4	03	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THUY	BK4	04	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUAN MẠNH	BK4	02	1	3		65	PSV	Vietnamese
7	MEDVEDEVSKY	BK10					97	D-HANH	Russian
8	NGUYEN QUANG THẮNG	BK10					70	KH-THAC	Vietnamese
9	DO HIỆP PHÚ	BK10					55	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CÔNG TÂN	BK10	13	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG LINH	BK10	11	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	VU XUAN THUY	BK10	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CÔNG THANH	BK10	09-10	2	12	40	79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO TUAN HUNG	BK10	14	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY NGỌC	BK10	17	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH HAI	BK10	15	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIỆU	BK10	06	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THAI BÌNH	BK10	07-08	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN NINH	BK10	02-03	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐẠT	BK10	04-05	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HÙNG	BK10	01	1	8	17	69	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN THANH SƠN	BK10	16	1	6		79	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	6	4	22	414	45	5		CHUYEN 1 PAX TU BK10 SANG P2
2	BK10	16	17	105	1.154	57	10 + 1		
3	P2	0	0	0	0	20	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>127</b>	<b>1.568</b>	<b>122</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>127</b>	<b>1.568</b>	<b>122</b>			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: PVD2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - DTùng	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	PVD2	48	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN BINH MINH	PVD2	45	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	33	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
4	VU THANH HUY	PVD2	46-47	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGO XUAN DUONG	PVD2	43-44	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM XUAN HUNG	PVD2	30-31	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	RICHARD HUGHES	PVD2	34-35	2	15		80	KHOAN	British
8	WAYNE ELSOM	PVD2	50-51	2	17	20	98	KHOAN	British
9	HOANG TRONG CHUC	PVD2	36	1	8	20	75	KHOAN	Vietnamese
10	ERNEST LAURENCE GLASS JR	PVD2	37	1	10		90	KHOAN	American
11	DJAMIAT	PVD2	40	1	12		80	KHOAN	Indonesian
12	LUONG VAN HOANG	PVD2	49	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM TAN NHUT	PVD2	29	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN KIEU	PVD2	41	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	LE NGOC HA	PVD2	32	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN CHI THANG	PVD2	42	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH VU TINH	MRM	94	1	8		70	DVL	Vietnamese
18	LA MINH TU	MRM	49	1	13		59	DVL	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	MRM	91	1	14		74	DVL	Vietnamese
20	DO VAN THAI	MRM	90	1	15		70	DVL	Vietnamese
21	LY NHAT TRUONG	MRM	89	1	15		75	DVL	Vietnamese
22	PHAM DINH SINH	MRM	50	1	10		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	16	21	152	1.224	40	13		
2	MRM	6	6	75	418	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>227</b>	<b>1.642</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>227</b>	<b>1.642</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: RP2 - RP3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP2				75	76	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN BA LUONG	RP2					65	KHOAN	Vietnamese
3	HUYNH TRUNG NGHIA	RP2	77	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TINH	RP2	83	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG THUY	RP2					67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HAU	RP2	84	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGHIEM DINH TUAN	RP2	89-90	2	19		65	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VAN THANH	RP2	82	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHI HUNG	RP2	85	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
10	LE XUAN TUYEN	RP2					62	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN THE LONG	RP2	78-79	2	12		63	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN CHINH QUAN	RP2	80-81	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MINH	RP2	75	1	14		80	T-TIN	Vietnamese
14	LE NHU HIEN	RP2	76	1	9		55	T-TIN	Vietnamese
15	BUI HUU TRI	RP2	86	1	4		54	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN QUYNH	RP2					70	GETRACO	Vietnamese
17	ĐẠO XUAN THỌ	RP2	87	1	6		69	GETRACO	Vietnamese
18	HỒ VĂN THẢO	RP2	88	1	2		70	GETRACO	Vietnamese
19	PHAN DUNG TIEN	RP3	03	1	10	35	60	BA SON	Vietnamese
20	NGUYEN DINH THUAN	RP3				24	51	BA SON	Vietnamese
21	AFANASIEV	P2	21	1	9	20	96	KH-THAC	Russian
22	BUI MINH TRI	P2					82	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	16	102	1.221	75	15		CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG P2
2	RP3	2	1	10	111	59	4		
3	P2	2	1	9	178	20	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>18</b>	<b>121</b>	<b>1.510</b>	<b>154</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.510</b>	<b>154</b>			

GRAND TOTAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - THU	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH HAI	TD2	04	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
2	ZHIGALO V.A	TD2	10	1	10		104	KHOAN	Russian
3	SADOVNICHENKO D.A	TD2	11	1	7		93	KHOAN	Russian
4	HOANG VAN PHUONG	TD2	17	1	6		60	PSV	Vietnamese
5	QUACH VAN TOI	TD2	15	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUAN	TD2	09	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN BAC	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
8	CAO DINH THANH	TD2					64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC TUAN	TD2	05-06	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGOC DO	TD2	07	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
11	DO VAN CUONG	TD2	08	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG DINH THANG	TD2	12	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUNG	TD2	13	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD2	14	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
16	VU HUU KE	TD2	01-02	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
17	VU ĐỨC THÀNH	TD2	03	1	8	175	68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG HAI	TD2	18	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC TUNG	TD2	16	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH CONG	TD2					63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DINH THANG	TD2	20	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI XUAN TUONG	TD2	25	1	7		58	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	20	134	1.588	175	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>20</b>	<b>134</b>	<b>1.588</b>	<b>175</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>134</b>	<b>1.588</b>	<b>175</b>			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: P6 - P9 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - CHIÊN - Trường	ETA: 09:35
NAU-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN HƯƠNG	P6	31	1	8	138	60	BASON	Vietnamese
2	KHIEU VAN TINH	P6	27	1	7	40	63	BASON	Vietnamese
3	HOANG VAN LAM	P6	28	1	8		53	BASON	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NHAN	P6	29-30	2	10		60	BASON	Vietnamese
5	VU TIEN THINH	P6	32-33	2	12		57	BASON	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HOANG	P6	34	1	7		55	BASON	Vietnamese
7	VASIANKIN	P9	88	1	11		117	KH-THAC	Russian
8	TRẦN VĂN KÝ	P9	85-86	2	18		67	YTE	Vietnamese
9	IAKIMIDI	P9	84	1	10		90	KH-THAC	Russian
10	ZAHARIN S.V.	P9	91	1	7		106	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	93	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA KÝ	P9					77	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH THUY	P9	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VÕ VĂN THOẠI	P9	89	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ AN CHUNG	P9	92	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	90	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THỬA	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ MINH THUY	P9	94	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9					73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN DUY HÙNG	RP2	20	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM HỮU MINH	RP2	21	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	6	8	52	348	178	1		
2	P9	13	11	78	1.026	0	6		
3	RP2	2	2	10	120	0	15		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>21</b>	<b>140</b>	<b>1.494</b>	<b>178</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>140</b>	<b>1.494</b>	<b>178</b>			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: P10	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Nam - Vận - Năm	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	89	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HOAI THANH	P10	40	1	6		66	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN DUC PHUC	P10	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN THANG	P10	25	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH HAI	P10	88	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BAO LAM	P10	24	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO THANH HA	P10	31	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TAT THANH	P10	75	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC NGUYEN	P10					83	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HUU DUONG	P10	23	1	4	70	70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN NAM	P10	26	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MANH HUNG	P10	21	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	IVANOV	P10	22	1	6		115	KH-THAC	Russian
14	VU DINH CUONG	P10	90	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HONG LINH	P10	91-92	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TOAN	P10	20	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CHI HIEU	P10	19	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P10	93	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN HUU DUNG	P10	27	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC TOAN	P10	28	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH KHOA	P10	29	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM HIEU LIEM	P10	30	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	22	127	1.526	70	22		
	TOTAL	22	22	127	1.526	70	22		
	WEIGHT KG			127	1.526	70			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Mar-18	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - Huy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VIET CUONG	P9	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TIEN HIỆP	P9	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGOC THANH	P9	33	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HAI	P9	38	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUỐC DUNG	P9	43	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC BÌNH	P9	44	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ SỸ BÌNH	P9	34	1	3	25	74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DUNG	P9	39	1	3	75	53	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HA	P9	36	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM ĐỨC TAI	P9	40	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BANG	P9	37	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRỊ	P9	31	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC QUY	P9	32	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NAM HAI	P9	29-30	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYEN HUU THANH	P9	41	1	7		61	DK9	Vietnamese
16	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	01	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC CHAN	P10	05	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	P10	03	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CÂN	P10	07	1	3		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	15	16	63	1.004	100	17		
2	P10	5	5	23	357	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>21</b>	<b>86</b>	<b>1.361</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>86</b>	<b>1.361</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Mar-18	TO: P2 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - THU	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	76	1	10	35	69	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ĐỨC LINH	P2	33	1	3	35	59	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	25	1	4	18	69	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ ANH NGỌC	P2	22	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU PHI	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P2	37-39	3	18		65	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG VĂN THUAN	P2	26	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THÀNH LONG	P2	30	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG PHƯƠNG	P2	24	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	31	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN TRUNG	P2	32	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	34-35	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ HOANG NAM	P2	48	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	79-80	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LUỘNG	P2	77-78	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM LÊ DUƠNG	P2	36	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HUNG	P2	28-29	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH KIM	P2	74-75	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DUƠNG TRƯỜNG LAM	P2	23	1	4		68	KH	Vietnamese
21	ĐỖ NGỌC TAM	P2	27	1	11		86	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	26	164	1.466	88	17		CHUYEN 1 PAX P2 SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	35	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>26</b>	<b>164</b>	<b>1.466</b>	<b>123</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>164</b>	<b>1.466</b>	<b>123</b>			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: TTC3 - P4 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - CHIÊN - Trường	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VU HUNG	TTC3	68	1	9	112	80	CODIEN	Vietnamese
2	DUONG HUU THUAN	TTC3	69	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
3	THAN HUU TRUONG	P4	01	1	6		84	CODIEN	Vietnamese
4	TRUONG TAN LOI	P4	02-03	2	13		82	XAYLAP	Vietnamese
5	LUU VAN LAM	P4	07-08	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HA XUAN THANH	P4	04-05	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN CAO CUONG	P4	06	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN QUANG	P4	09-10	2	12	22	70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LUU	P11	70	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VIET DUNG	P11	69	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH THANH TAM	P11	97	1	5	17	87	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HAI VIET	P11	96	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG SY NGOC	P11	68	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN THUC	P11	67	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	P11	71,94	2	6		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CAO CHI	P11	65	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	P11	98-99	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TUAN	P11	66	1	3		77	PSV	Vietnamese
19	NGO VAN THANH	P11	95	1	11		74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	2	2	16	146	112	2		
2	P4	6	10	68	444	22	2		
3	P11	11	13	59	814	17	18		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>25</b>	<b>143</b>	<b>1.404</b>	<b>151</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>143</b>	<b>1.404</b>	<b>151</b>			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Mar-18	TO: TD2 - BK3 - P11	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Nam - Vận - Năm	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	TD2	36	1	5		74	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC TIEN	TD2	32-33	2	10	40	72	DVL	Vietnamese
3	NGO TRI HOANG	TD2	35	1	7		70	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THÀNH	TD2	34	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
5	BUI VĂN QUỐC	TD2	19	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
6	THAI HAI HA	BK3	62	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	49	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THIẾP	BK3	52	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HỮU LINH	BK3	51	1	6	20	83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH PHONG	BK3	53	1	6	85	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHÁC THÔNG	BK3	67	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN BA LINH	BK3	66	1	6		65	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN THƯA THAI	BK3	60-61	2	20		60	CODIEN	Vietnamese
14	BUI ĐỨC HẬU	BK3	63-64	2	20		56	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VĂN LỘC	BK3	50	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM BA BÌNH	BK3	55	1	2		68	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HỮU ANH	BK3	54	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TU	BK3	58-59	2	18		54	NHTHAU X	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	6	32	346	40	3	41	CHUYEN 1 PAX TD2 SANG BK3
2	BK3	13	16	113	842	105	12		
3	P11	0	0	0	0	35	6		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>22</b>	<b>145</b>	<b>1.188</b>	<b>180</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>145</b>	<b>1.188</b>	<b>180</b>			

GRAND TOAL: 1.513 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/03/2018	TO: P2 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - DTùng	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUANG HUNG	P2	41-42	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG DINH HOA	P2	85-86	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
3	TRUONG MINH THANG	P2	40	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN LINH	P2	44	1	16		63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN KHAC QUY	P2	43	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
6	QUAN VAN KHANH	P2	300	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC THO	P2	91-92	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN BA SON	P2	87	1	16		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN LAC	P2	88	1	17		90	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN CAM	P2	90	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN LAM	P2	95-96	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
12	LE TRONG HUNG	P2	93-94	2	17	45	78	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN HONG SON	P2	45	1	15	30	64	T-TIN	Vietnamese
14	ĐANG MINH VUONG	P2	99	1	12		55	T-TIN	Vietnamese
15	VÔ THANH HỒNG	P2	97-98	2	17		60	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC CHINH	P2	89	1	8		70	H-DONG	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	22	232	1.081	75	19		
2	BK10	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>22</b>	<b>232</b>	<b>1.081</b>	<b>75</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>232</b>	<b>1.081</b>	<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.388 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27-Mar-18	TO: PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - HUY	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	PVD2	67	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THE DUONG	PVD2	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN CAO	PVD2	59	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN ANH HUNG	PVD2	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MANH	PVD2	60	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
6	LE QUANG TRUONG	PVD2	55	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	MUSTAFA	PVD2	57	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN NGOC KHANH	PVD2	53	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
9	DANG VIET HUNG	PVD2	58	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC DAO	PVD2	66	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIET THUC	PVD2	61	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DUNG	PVD2	54	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUOC VIET	PVD2	62	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DONG HAI	PVD2	70	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	BUI XUAN DIEP	PVD2	63	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	DANG DUC THIEN	PVD2	69	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN XUAN LONG	PVD2	65	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
18	VU XUAN TIEN	PVD2	64	1	7		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	18	18	114	1.240	0	22		
	TOTAL	18	18	114	1.240	0	22		
	WEIGHT KG			114	1.240	0			

GRAND TOAL: 1.354 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/03/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng		
1	427	TD3+RC4	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0		
2	846	MRM+P3	7:25	20+0	0+0		14+8	0+0		
3	427	TD3+P7+MRM	9:25	4+2+9	0+0+0		4+6+12	0+0+0		
4	846	CTK3+TD5	9:25	3+16	0+0		1+21	0+0		

TPDBSX





# FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2018	TO: TD3 - RC4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEYNIKH	TD3	06-07	2	17		70	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TUYEN	TD3	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	04	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN BAT	TD3	08	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG MINH TOAN	TD3	09	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG HUY LONG	TD3	18	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	NIKOLAYEV G.M	TD3	05	1	10		76	KHOAN	Russian
8	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					80	KHOAN	Russian
9	BRINDOROV V.A	TD3	15	1	10		90	KHOAN	Russian
10	PHAN TAT THANG	TD3	19-21	3	17		70	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN NAM CUONG	TD3	13	1	8	140	70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM HUNG DUONG	TD3	12	1	2		95	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MANH HUNG	TD3	10	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH AI HUU	TD3	11	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN THANG LOI	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
16	VU LONG PHI	TD3	16	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUAN HIEP	TD3	22-23	2	15		67	D-HANH	Vietnamese
18	PHAM NGOC HUNG	TD3	24	1	8		70	D-HANH	Vietnamese
19	DUONG VAN TUYEN	TD3	14	1	15		92	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HA	TD3	01-02	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LE QUY DON	TD3	03	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	24	164	1.540	140	21		
2	RC4	0	0	0	0	30	1		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>164</b>	<b>1.540</b>	<b>170</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>164</b>	<b>1.540</b>	<b>170</b>			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2018	TO: MRM - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG ANH ĐỨC	MRM	98	1	4		74	D-HANH	Vietnamese
2	TIKHONOV EVGEHII	MRM	92	1	7		99	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN ĐÌNH KHANH NHẬT	MRM	90-91	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	MRM	84	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	MRM	89	1	14		89	KHOAN	Vietnamese
6	KRAVTSOV ALEXANDR	MRM	1000	1	8		75	KHOAN	Russian
7	PHAM VAN CUONG	MRM	86-87	2	12		84	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG VAN CHUNG	MRM	85	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
9	VU ĐÌNH QUANG	MRM	88	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
10	POLYAKOV IVAN	MRM	95	1	11		77	KHOAN	Russian
11	BYKOV VASILII	MRM					99	KHOAN	Russian
12	BREDNEV ARTEM	MRM	93	1	9		83	KHOAN	Russian
13	POLYAKOV DMITRY	MRM	48	1	5		81	KHOAN	Russian
14	PETRUNKO IVAN	MRM	94	1	15		103	KHOAN	Russian
15	ZGONIK VADIM	MRM	700	1	14		95	KHOAN	Russian
16	SALOMATIN SERGEI	MRM	799	1	13		95	KHOAN	Russian
17	VIRIN ALVIN	MRM	99	1	9		102	KHOAN	Russian
18	POGIEV VADIM	MRM	96-97	2	15		89	KHOAN	Russian
19	OGANIAN GRIGORII	MRM	800	1	12		95	KHOAN	Russian
20	PIMAKIN OLEG	MRM	992	1	8		110	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	22	203	1.752	0	14		
2	P3	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>22</b>	<b>203</b>	<b>1.752</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>203</b>	<b>1.752</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.955 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2018	TO: TD3 - P7 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐÌNH DŨNG	TD3	37	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN BAY	TD3	34	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN QUYÊN	TD3	35-36	2	15	35	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HUY	TD3	38-39	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN DŨNG	P7	27	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGO ĐỨC THUẬN	P7	26	1	10	30	60	XAYLAP	Vietnamese
7	ELISEEV SERGEI	MRM	72	1	10		80	KHOAN	Russian
8	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	76	1	10		90	KHOAN	Russian
9	KICHEV ALEXEY	MRM	71	1	8		70	KHOAN	Russian
10	SHATIN DMITRII	MRM	74	1	6		90	KHOAN	Russian
11	ALIBEKOV SAIDKULU	MRM	73	1	10		82	KHOAN	Russian
12	BORIDKO VITALII	MRM	75	1	7		80	KHOAN	Russian
13	NGUYEN THANH BINH	MRM	77	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	VU DINH HUNG	MRM	78	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	6	59	266	35	4		
2	P7	2	2	17	130	30	6		
3	MRM	8	8	61	652	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>16</b>	<b>137</b>	<b>1.048</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.048</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.250 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2018	TO: CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 11:15
CAM- <i>a</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH MANH DUC	CTK3	81	1	10		70	SBAY	Vietnamese
2	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	75	1	5	84	66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN HA	CTK3	74	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	HA VAN DUNG	TD5					88	KHOAN	Vietnamese
5	UVAISHOV A.X	TD5	23	1	8		87	KHOAN	Russian
6	LE VIET THANG	TD5	18	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
7	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	15	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
8	DINH VAN SU	TD5	14	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM QUANG NGU	TD5	16	1	5	25	81	KHOAN	Vietnamese
10	VI HUNG CUONG	TD5	20	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN ANH	TD5	22	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HIEU	TD5	26-27	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN THUONG VU	TD5	24-25	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VINH DUY	TD5	21	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGOC DANH	TD5	17	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TRIET	TD5	11	1	10		65	DVL	Vietnamese
17	VU VAN TRUNG	TD5	19	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
18	HA MANH HUNG	TD5	13	1	8		50	XAYLAP	Vietnamese
19	VU XUAN CHINH	TD5	12	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	3	20	199	84	1		+1 NOI BO DIEU PHAI CTK3 VE NGOI NGHE PHU
2	TD5	16	17	125	1.181	25	21		
TOTAL		19	20	145	1.380	109	22		
WEIGHT KG				145	1.380	109			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEYRO  
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/03/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	427	JS2+P4	7:25	7+14	0+0		6+16	0+0	
2	420	PPD+JS2+TD1	7:25	14+7+0	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
3	427	TD2+PV/D2+PPD	9:25	5+2+6	0+0+0		4+4+14	0+0+0	
4	420	P8-RP3	9:25	1+14	0		2+20	0	

TTPBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1. TÀU EXPRESS SẼ ĐI HÔM NAY 28/3 VÀ VỀ BỜ NGÀY 29/3. NHỮNG NGƯỜI ĐĂNG KÝ CHƯA VỀ ĐƯỢC ĐÃ CHUYỂN SANG  
VỀ TÀU. CÁC GIÀN CHÚ Ý LIÊN LẠC VỚI TÀU.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2018	TO: JS2 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Văn - MMinh - HIẾU	ETA: 09:10
XANNH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MICHAEL PATRICK	JS2	73	1	13	10	85	KHOAN	Indian
2	NGUYEN VAN QUYEN	JS2	74	1	9	15	74	KHOAN	Vietnamese
3	LAI VAN CUONG	JS2	81-83	3	19	5	61	KHOAN	Vietnamese
4	CAO VAN DUNG	JS2	75-76	2	16		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TOAN	JS2	77-78	2	10		54	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN PHUOC DIEN	JS2	79-80	2	12		53	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MAN	JS2	72	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	KOLECHIK A.IO	P4	40	1	12	35	100	KHI	Russian
9	BRATCHIKOV A.C	P4	41	1	9		91	KHI	Russian
10	TRUONG THANH GIAP	P4	43	1	3		77	KHI	Vietnamese
11	PHAM TRAI	P4	23	1	3		72	KHI	Vietnamese
12	TÀ XUAN HIEU	P4	46	1	3		65	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	48	1	5		69	KHI	Vietnamese
14	PHAM ĐỨC HIỆP	P4	42	1	2		79	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VIET NGOC	P4	45	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	44	1	4		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN MINH CANG	P4	49	1	5		74	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LAM	P4	21	1	2		70	KHI	Vietnamese
19	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	22	1	3		61	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	47	1	2		78	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TAI	P4	26	1	3		69	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	7	12	84	453	30	6		
2	P4	14	14	61	1.050	35	16		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>26</b>	<b>145</b>	<b>1.503</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>145</b>	<b>1.503</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2018	TO: PPD - JS2 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TAI	PPD	71	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	LE VAN LONG	PPD	72	1	3		73	KHI	Vietnamese
3	FROLOV D.V	PPD	99	1	5		88	KHI	Russian
4	DO CHUNG KIEN	PPD	76	1	6		63	KHI	Vietnamese
5	HOANG MINH HIEU	PPD	73	1	5		67	KHI	Vietnamese
6	PHAM HAI QUANG	PPD	70	1	7		77	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TA	PPD	75	1	5		73	KHI	Vietnamese
8	DO VAN THANH	PPD	74	1	5		85	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN VU	PPD	499,500	2	10		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN CONG HIEN	PPD	400	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	TRINH CONG BINH	PPD	899	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	TRAN VAN THANH	PPD	55	1	5		57	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	900	1	3		77	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN MINH CHANH	PPD	69	1	7		85	KHI	Vietnamese
15	TRAN CHINH CUONG	JS2	66	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MINH	JS2	67	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM DINH DUNG	JS2	69	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN DAI DUONG	JS2	65	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
19	HO XUAN TUYEN	JS2	70	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
20	LE THANH THAI	JS2	72-73	2	17		95	KHOAN	Vietnamese
21	TRUONG MINH KHANH	JS2	68	1	8		68	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	15	74	1.025	0	14		
2	JS2	7	8	59	526	0	5		
3	TD1	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>133</b>	<b>1.551</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>133</b>	<b>1.551</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2018	TO: TD2 - PVD2 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Văn - MMinh - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAO ANH HUYNH	PVD2	71	1	10	8	75	DVL	Vietnamese
2	BUI VAN THICH	PVD2	70	1	6		80	DVL	Vietnamese
3	BUI THANH	PPD	79	1	5		58	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN HUY SON	PPD					77	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN ĐỨC HOÀ	PPD	78	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	LUONG NGOC THANH	PPD	77	1	5		95	KHI	Vietnamese
7	TRAN DOAN HUONG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN ĐƯƠNG	PPD	80	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	81	4		
2	PVD2	2	2	16	155	8	4		
3	PPD	6	4	20	430	0	14		
TOTAL		8	6	36	585	89	22		
WEIGHT KG				36	585	89			

GRAND TOAL: 710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2018	TO: P8 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU LONG	P8	44	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM TIEN PHI	RP3	12	1	5	25	70	KHI	Vietnamese
3	HOANG CONG QUAN	RP3	20	1	7		84	KHI	Vietnamese
4	DUONG HONG QUAN	RP3	10	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUY TRUONG	RP3	15-16	2	8		65	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN LAP	RP3	06	1	3		55	KHI	Vietnamese
7	PHAM BINH NAM	RP3	14	1	5		62	KHI	Vietnamese
8	PHAM HONG LINH	RP3	19	1	4		72	KHI	Vietnamese
9	TRAN VAN SEN	RP3	09	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN SANG	RP3	13	1	7		58	KHI	Vietnamese
11	BUI VAN HUNG	RP3	18	1	4		71	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	11	1	7		74	KHI	Vietnamese
13	HO VAN LUONG	RP3	08	1	3		70	KHI	Vietnamese
14	NG. TRI CHUNG	RP3	17	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DUC THUAN	RP3	07	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	1	10	73	0	2		
2	RP3	14	15	73	968	25	20		
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>16</b>	<b>83</b>	<b>1.041</b>	<b>25</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>83</b>	<b>1.041</b>	<b>25</b>			

GRAND TOAL: 1.149 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	TD1+BK14	7:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
2	427	MRM+CTK3	8:00	6+15	0+0		5+16	0+0	tắt máy 3 h.
3	426	RP2+TD5+CLO	9:25	1+3+15	0+0+0		0+6+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
/chuyên CTK3 đoàn công tác ra về trong ngày 15 ng.





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2018	TO: TD1 - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUAN HIEU	TD1	90	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	TO DINH TUYNH	TD1	98	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH HOANG KHANH	TD1	78	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN QUY	TD1	92	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH LINH	TD1	74	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH HUY TOAN	TD1	80	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC SON	TD1	75	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIANG	TD1	87	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	LE DINH DOAN	TD1	85	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN PHONG	TD1	86	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	HO VAN HAU	TD1	76	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	THAI DUC TOAN	TD1	99	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	MAI DAI HAI	TD1	83	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY KIEN	TD1	77	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGOC CHAU	TD1	81	1	12		63	NHA THAU	Vietnamese
16	MAI HOANG HA	TD1	65.97	2	16		51	NHA THAU	Vietnamese
17	ONG VAN NAM	TD1	800	1	6		63	NHA THAU	Vietnamese
18	LUU BA XO	TD1	88-89	2	15		75	DVL	Vietnamese
19	VUONG KIEN QUOC	TD1	79	1	5		76	DVL	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	TD1	84	1	15	18	70	T-TIN	Vietnamese
21	DINH XUAN TOAN	TD1	93	1	5		58	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN BAO CHUONG	TD1	94	1	5	15	65	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	152	1.496	33	16		
2	BK14	0	0	0	0	30	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>152</b>	<b>1.496</b>	<b>63</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>152</b>	<b>1.496</b>	<b>63</b>			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2018	TO: MRM - CTK3 (+3h)	AIRCRAFT: 427	ETD: 08:00
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - THỤ - Chuyên	ETA: 13:00
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI BA KIEN	MRM	07-08	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
2	DO VAN TRUC	MRM	05-06	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
3	THAI DOAN MAO	MRM	01	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN BIEN	MRM	02	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CUU VINH	MRM	03	1	10		50	KHOAN	Vietnamese
6	NGO MINH CHANH	MRM	04	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VAN THACH	CTK3					74	D-HANH	Vietnamese
8	HOANG ANH TUAN	CTK3					73	D-HANH	Vietnamese
9	TRAN DUY HUNG	CTK3					82	D-HANH	Vietnamese
10	ĐO QUỐC TOAN	CTK3					67	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN THI HONG PHUONG	CTK3					64	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN THI HANH	CTK3					68	D-HANH	Vietnamese
13	PHAM THI THU HIEN	CTK3					60	D-HANH	Vietnamese
14	LUONG THI TUYET TRINH	CTK3					59	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN ĐỨC THANG	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese
16	TRAN VAN LONG	CTK3					69	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN THI THUY HA	CTK3					51	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN THI NET	CTK3					45	D-HANH	Vietnamese
19	VU VIET KIEU	CTK3					72	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYEN THE KIM	CTK3					70	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYEN DUONG PHUC	CTK3	23-24	2	5		62	D-HANH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	8	67	359	0	5		
2	CTK3	15	2	5	981	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>10</b>	<b>72</b>	<b>1.340</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>72</b>	<b>1.340</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.412 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2018	TO: RP2 - TD5 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - Trường	ETA: 11:20
DO-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KAZIKOV A.F	RP2	87	1	8		100	ANTOAN	Russian
2	BUI VAN QUYET	TD5	32	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
3	QUACH THE ANH	TD5	31	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THUAN	TD5	30	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	SUKHOMLIN I.N	CLO	02	1	10		120	KHOAN	Russian
6	TU QUOC VIET	CLO	06	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN KHANG	CLO	09	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN NGOC AN	CLO					67	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN QUYNH	CLO	05	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG TRUNG THONG	CLO	15	1	3	20	71	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN THE NHU	CLO	03	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHUNG BA TUAT	CLO	08	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN BINH	CLO	12	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	NGHIEM XUAN QUANG	CLO	14	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	01	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THAI DUONG	CLO	10-11	2	14		53	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN NHU BANG	CLO	07	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG THANH MINH	CLO	04	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HAM HA	CLO	13	1	9		63	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	1	1	8	100	0	0		
2	TD5	3	3	28	223	0	6		
3	CLO	15	15	88	1.057	20	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>19</b>	<b>124</b>	<b>1.380</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>124</b>	<b>1.380</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.524 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN